

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 15/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và bà Nguyễn Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST- HS ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với các Bị cáo:

1. Trịnh Minh H (tên gọi khác: Không)

Sinh ngày 20 tháng 08 năm 1971, tại huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Phố Ph, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do Trình độ văn hoá: 07/12 Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trịnh Xuân Nh (đã chết) và bà: Lê Thị M, sinh năm: 1932.

Vợ: Vũ Thị Phương L, sinh năm 1971; Con: Có 02 con (Lớn sinh năm: 1995, nhỏ sinh năm: 2000).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

+ Tại bản án số: 07/HSST ngày 25/5/2003 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 6.000.000đ về

tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng”.

+ Tại bản án số: 50/2009/HSST của TAND tỉnh Phú Thọ đã tuyên phạt Bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng”.

+ Tại bản án số: 18/2014/HSST ngày 08/5/2014 của TAND huyện T, tỉnh Phú Thọ đã T phạt Bị cáo 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ 03 (ba) bản án trên và đương nhiên được xóa án tích;

Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn V (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1972, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu M 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/10; Dân tộc: Mường

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Hà Xuân V, sinh năm: 1944 và bà: Hà Thị D (Đã chết)

Vợ: Hà Thị Đ, sinh năm 1980; Con: Có 02 con (Lớn sinh năm: 1998, nhỏ sinh năm: 2000).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

+ Tại bản án số: 08/HSST ngày 23/4/1993 của Tòa án quân sự Quân khu II đã tuyên phạt Bị cáo 06 năm tù giam về tội “Chiếm đoạt, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa

3. Nguyễn Hồng T (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 27 tháng 4 năm 1979, tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu M 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 và bà: Nguyễn Thị Nh (đã chết).

Vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; Con: Có 02 con (Lớn sinh năm: 2004, nhỏ sinh năm: 2012).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*):

+ Tại bản án số: 29/2012/HSST ngày 28/6/2012 của TAND huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Bị cáo: 5.000.000 đ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Công Ch (tên gọi khác: không)

Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1974, tại huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: khu M 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Mường

Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hà Công M (đã chết) và bà: Hà Thị C, sinh năm 1935.

Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; Con: Có 02 con (Lớn sinh năm: 1995, nhỏ sinh năm: 1997).

Tiền án/tiền sự: Không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): không.

Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho Bị cáo V*: Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).
- *Người bào chữa cho Bị cáo Ch*: Bà Đinh Thị H – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/01/2020, Trịnh Minh H, Nguyễn Hồng T và Hà Văn V đến nhà Hà Công Ch tại Khu M 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ chơi. Sau đó, các đối tượng rủ nhau lên đồi cây “Gò Tình” gần nhà Bị cáo Ch để đánh bạc ăn

tiền. Khi đi, V cầm theo 01 bộ bài tú lơ khơ (52 quân bài) có sẵn trong nhà Ch, trên đường V soạn lấy 36 quân bài từ Át tới 9 số bài còn lại V vứt bỏ. Lên đến đỉnh đồi, bốn người chọn bãi đất trống đã có sẵn 01 túi tải màu trắng làm địa điểm đánh bạc.

Các đối tượng cùng thỏa thuận cách chơi như sau: Lấy 36 quân bài trong bộ bài gồm bộ tứ Át, và các bộ tứ từ 2 đến 9, lúc đầu có một người làm chương và chia bài cho người chơi mỗi người 3 quân bài rồi từng người cộng điểm. Nếu tổng điểm lớn hơn 10, 20 sẽ tính hàng đơn vị (20 điểm tính là 10). Bài có điểm lớn hơn sẽ thắng, trường hợp bằng điểm nhau sẽ tính theo chất thứ tự Rô, Cơ, Tép, Bích, trường hợp có cùng chất thì ai có quân bài Át rô là cao nhất tiếp theo tính từ 9 trở xuống. Người chơi chỉ so bài với người làm chương, ai có điểm bài lớn hơn chương sẽ thắng và được ăn tiền bằng số tiền đã đặt cược, bài ai có điểm nhỏ hơn chương sẽ thua số tiền đã đặt cược. Người chơi được 10 điểm sẽ được đổi là người cầm chương. Tỷ lệ đặt cược mỗi ván là 100.000 đồng/01 người chơi.

Khi tham gia đánh bạc, H bỏ ra số tiền khoảng 2.000.000 đồng; T có khoảng 2.000.000 đồng; V bỏ ra số tiền khoảng 2.400.000 đồng; Ch bỏ ra số tiền khoảng 5.000.000 đồng. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 16 giờ 00 phút thì bị Tổ công tác - Công an huyện T phát hiện bắt quả tang, lợi dụng địa hình đồi núi hiểm trở Ch cầm theo số tiền 4.550.000 đồng là tiền dùng vào đánh bạc rồi bỏ chạy.

Tổ công tác - Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với: H, T, V và thu giữ vật chứng gồm: 6.720.000 đồng thu trên chiếu bạc; 36 quân bài tú lơ khơ và 01 túi tải màu trắng đã cũ.

Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, Ch đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T đầu thú, đồng thời Ch tự giác giao nộp số tiền đánh bạc khi bỏ chạy cầm theo là 4.550.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo đều đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên

2. Các vấn đề khác:

Ngày 16/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; các Quyết định khởi tố bị can số 04, 05, 06, 07 đối với Trịnh Minh H, Nguyễn Hồng T, Hà Văn V và Hà Công Ch về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015) để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-TS ngày 03/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo: Trịnh Minh H, Hà Văn V, Nguyễn Hồng T và Hà Công Ch về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,4 Điều 36 của BLHS năm 2015 đối với các Bị cáo Trịnh Minh H, Hà Văn V, Nguyễn Hồng T;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,4 Điều 36 của BLHS năm 2015 đối với Bị cáo Hà Công Ch.

- Xử phạt Bị cáo Trịnh Minh H từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 16/01/2020) được tính là 03 ngày x 03 = 9 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND Thị Trấn Th, huyện Th, tỉnh Phú Thọ nơi Bị cáo H thường trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao Bị cáo H cho UBND Thị Trấn Th, huyện Th, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

- Xử phạt các Bị cáo: Hà Văn V, Nguyễn Hồng T mỗi Bị cáo từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ; xử phạt Bị cáo Hà Công Ch từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ.

Các Bị cáo V, T, Ch đều được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 16/01/2020) là 03 ngày x 03 = 9 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nơi các Bị cáo thường trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các Bị cáo V, T, Ch cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo H, V, T Ch.

Buộc các Bị cáo: H, V, T, Ch phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng tại nơi cư trú theo tần suất là 04 giờ/01 ngày/01 tuần trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo: H, V, T, Ch.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo: H, V, T, Ch theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 11.270.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tịch thu, tiêu hủy: 36 quân bài Tú lơ khơ và 01 túi vải màu trắng đã cũ.

4. Người bào chữa cho Bị cáo V, Bị cáo Ch: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các Bị cáo như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa và cho các Bị cáo hình phạt ở mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

5. Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo: Trịnh Minh H, Hà Văn V, Nguyễn Hồng T, Hà Công Ch đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản

Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Hồi 16 giờ 00 phút, ngày 13/01/2020, Tổ công tác - Công an huyện T bắt quả tang các đối tượng gồm: H, V, T, Ch có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Ba cây” tại đồi cây Gò Tình thuộc khu M 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 11.270.000 đồng.

Các Bị cáo thực hiện những hành vi này trong trạng thái tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện đến cùng.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các Bị cáo: H, V, T, Ch thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015;

Tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã có nhiều người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa Ch.

Về vai trò của các Bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các Bị cáo đánh bạc nhiều người nhưng chỉ là do tự phát, không chuẩn bị phương tiện và phân công nhau nên không coi là phạm tội có tổ chức. Vai trò của các Bị cáo trong thực hiện tội phạm là như nhau.

- Về nhân thân các Bị cáo:

Đối với Trịnh Minh H: Trước thời điểm thực hiện hành vi đánh bạc, Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, Tòa án nhân dân huyện T và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử, đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội lần này đã đương nhiên được xóa án tích.

Đối với Bị cáo T: Tại bản án số 29/2012/HSPT ngày 28/6/2012, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xử phạt 5.000.000 đ về tội “Đánh bạc”, ngày 02/7/2013 Bị cáo đã thực hiện xong hình phạt và các nghĩa vụ khác của bản án. Đến thời điểm phạm tội lần này đã đương nhiên được xóa án tích

Đối với Bị cáo Hà Văn V: Tại bản án số 08/HSST ngày 10/6/1993 của Tòa án quân sự quân khu II, bị T phạt 06 năm tù về tội “*Chiếm đoạt, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”; hình phạt bổ sung: V phải bồi thường thiệt hại sung công quỹ quốc phòng: 1.736.000 đồng; án phí hình sự sơ thẩm: 15.000 đồng; án phí dân sự giá ngạch: 86.800 đồng. Tổng cộng số tiền Bị cáo có nghĩa vụ phải thực hiện là 1.837.800 đồng. Quá trình điều tra, xác minh đã xác định: Ngày 14/10/1996 Phòng thi hành án Quân khu II có quyết định ủy thác thi hành án dân sự số: 10/UTTHA ngày 14/10/1996 đến Đội thi hành án huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú thực hiện việc thi hành án dân sự đối với Hà Văn V. Ngày 17/4/2002 Đội thi hành án huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ có Quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án số 03 đến Sư đoàn 355 – Quân khu II về việc thực hiện thi hành án dân sự đối với số tiền 1.736.000 đồng mà Hà Văn V phải bồi thường cho quốc phòng với lý do Hà Văn V không có tài sản thi hành. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành làm việc với Sư đoàn 355 – Quân khu II xác định tại kho lưu trữ hồ sơ của Sư đoàn 355 không có văn bản, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc thi hành án về số tiền Hà Văn V phải bồi thường cho quốc phòng.

Quá trình xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn đối với án phí hình sự sơ thẩm 15.000 đồng không thể hiện trong việc thụ lý thi hành án và hồ sơ không có trong kho lưu trữ, đối với án phí dân sự 86.800 đồng có thể hiện trong sổ ra quyết định thi hành án số 28 ngày 11/12/1997 tuy nhiên không xác định

được thời gian chấp hành xong và không có hồ sơ trong kho lưu trữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T có văn bản đề nghị tra cứu tiền án, tiền sự của V. Tại Công văn số 89 ngày 14/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thể hiện kết quả tra cứu Hà Văn V không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra, và tại phiên tòa ngày hôm nay, V khai nhận đã cùng gia đình thực hiện xong đầy đủ các khoản tiền trên. Theo các tài liệu thu thập được, xác định Hà Văn V đã đương nhiên được xóa án tích.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các Bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các Bị cáo H, V, T, Ch đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo Ch, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi cơ quan điều tra phát hiện tội phạm đã tự nguyện ra đầu thú và giao nộp số tiền dùng để đánh bạc. Vì vậy, Ch được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Bị cáo H hiện đang thờ phụng bố vợ là liệt sĩ và bà mẹ Việt Nam anh hùng (Liệt sĩ Vũ Anh Q và bà Ngô Thị Q là mẹ của ông Vũ Anh Q được nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt nam anh hùng). Do đó, Bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Bị cáo V, có bố là ông Hà Xuân V được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; mẹ là bà Hà Thị D được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, Bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Bị cáo T, có bố là ông Nguyễn Xuân T, được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, Bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các Bị cáo H, V, T, Ch đều phạm tội ít nghiêm trọng và có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần cách ly các khỏi xã hội mà cho các Bị cáo Cải tạo không giam giữ tại địa phương, giao các Bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các Bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ cũng đủ để các Bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân là phù hợp với Điều 36 của BLHS năm 2015. Bị cáo H, V, T phải chịu mức hình phạt cao hơn Bị cáo Ch và theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của BLHS năm 2015 thì các Bị cáo: H, V, T, Ch còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5 % đến 20% để sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, qua xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thấy rằng, các Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, vì vậy, cần miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của BLHS năm 2015 thì “*Trường hợp Người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ*”. Xét thấy, các Bị cáo H, V, T, Ch đều là lao động tự do, không có việc làm ổn định vì vậy, cần buộc các Bị cáo phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng tại nơi cư trú theo tần suất là 04 giờ/01 ngày/01 tuần trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của BLHS năm 2015 thì các Bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thì thấy, các Bị cáo không có tài sản gì có giá trị lớn; thu nhập không ổn định, và nhà đất là tài sản duy nhất được sử dụng Ch trong gia đình. Do đó, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 11.270.000 đồng (mười một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó: 6.720.000đ thu tại chiếu bạc và 4.550.000đ do Ch giao nộp, đây là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

36 quân bài Tú lơ khơ và 01 túi vải màu trắng đã cũ, là vật không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy.

[5] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên, Người bào chữa tại phiên tòa phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,4 Điều 36 của BLHS năm 2015 đối với các Bị cáo Trịnh Minh H, Hà Văn V, Nguyễn Hồng T;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,4 Điều 36 của BLHS năm 2015 đối với Bị cáo Hà Công Ch.

T bố: Các Bị cáo Trịnh Minh H, Nguyễn Hồng T, Hà Văn V và Hà Công Ch phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt, biện pháp tư pháp:

- Xử phạt Bị cáo Trịnh Minh H 24 (hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 16/01/2020) là 03 ngày x 03 = 09 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Phú Thọ nơi Bị cáo H cư trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao Bị cáo H cho UBND thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

- Xử phạt các Bị cáo: Hà Văn V, Nguyễn Hồng T mỗi Bị cáo 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ;

- Xử phạt Bị cáo Hà Công Ch 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ.

Các Bị cáo V, T, Ch được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 13/01/2020 đến ngày 16/01/2020) là 03 ngày x 03 = 09 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nơi các Bị cáo cư trú nhận được bản sao Bản án và Quyết định thi hành án. Giao các Bị cáo V, T, Ch cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát,

giáo dục. Gia đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thi hành bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các Bị cáo: H, V, T, Ch.

Buộc các Bị cáo: H, V, T, Ch phải thực hiện công việc lao động phục vụ cộng đồng tại nơi cư trú theo tần suất là 04 giờ/01 ngày/01 tuần trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các Bị cáo: H, V, T, Ch.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các Bị cáo: H, V, T, Ch theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 21, 22, 23, 24 ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 11.270.000 đồng (Mười một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) là công cụ, phương tiện phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy: 36 quân bài Tú lơ khơ và 01 túi vải màu trắng đã cũ.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 17/4/2020.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các Bị cáo H, V, T, Ch mỗi Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. *Về quyền kháng cáo:* Các Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi các b/c thường trú;

(đã ký)

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Mai